

Số: 956/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức  
của Chi cục Thống kê cấp tỉnh thuộc Cục Thống kê**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Chi cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Chi cục Thống kê cấp tỉnh) là cơ quan thống kê nhà nước cấp tỉnh thuộc Cục Thống kê, thực hiện chức năng tổ chức, điều phối các hoạt động thống kê theo chương trình công tác của Cục trưởng Cục Thống kê giao; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động thống kê trên địa bàn tỉnh/thành phố; tổ chức các hoạt động thống kê; cung cấp, công bố, phổ biến thông tin thống kê kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Đảng, chính quyền cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Chi cục Thống kê cấp tỉnh có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

**Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch, chính sách phát triển hoạt động thống kê; tổ chức, chỉ đạo hướng dẫn và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê.

2. Tổ chức thu thập, tiếp nhận, xử lý, tổng hợp thông tin từ điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng dữ liệu, thông tin từ cơ sở dữ liệu hành chính do các cơ quan quản lý dữ liệu cung cấp cho hoạt động thống kê trên địa

bàn theo quy định của pháp luật. Bảo mật thông tin của tổ chức, cá nhân trong quá trình cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các cuộc điều tra thống kê do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố giao sau khi được Cục Thống kê thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ. Tổng hợp thông tin thống kê, kết quả điều tra thống kê do các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị khác trên địa bàn tỉnh/thành phố cung cấp. Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh.

5. Phân tích và dự báo thống kê phục vụ việc xây dựng, đánh giá thực hiện chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; báo cáo kết quả điều tra, tổng điều tra thống kê; báo cáo phân tích chuyên đề; báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; biên soạn các chỉ tiêu thống kê được phân công.

6. Biên soạn, xuất bản Niên giám thống kê và các sản phẩm thống kê khác.

7. Ban hành và tổ chức thực hiện phổ biến thông tin thống kê nhà nước theo quy định của pháp luật. Tổ chức họp báo công bố thông tin thống kê kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh/thành phố.

8. Quản lý và thực hiện công bố, phổ biến, cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật và phân cấp của Cục trưởng Cục Thống kê.

9. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê, sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê theo quy định của pháp luật.

10. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê.

11. Hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ thống kê đối với điều tra viên, người làm công tác thống kê Sở, ngành, doanh nghiệp, xã, phường, thị trấn và người làm công tác thống kê thuộc phạm vi quản lý của Chi cục theo quy định của pháp luật.

12. Tổ chức thực hiện thanh tra chuyên ngành thống kê; kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê của chỉ tiêu thống kê quốc gia, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đã được cấp có thẩm quyền công bố; phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về thống kê.

13. Thực hiện tự đánh giá chất lượng thống kê theo Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước.

14. Ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến và công nghệ thông tin - truyền thông vào hoạt động thống kê. Triển khai các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công tác quản lý hoạt động thống kê, công tác quản lý công chức và người lao động của Chi cục Thống kê.

15. Quản lý, sử dụng công chức, người lao động thuộc Chi cục Thống kê cấp tỉnh theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Tài chính, Cục Thống kê.

16. Lập dự toán, tổ chức thực hiện dự toán và quyết toán kinh phí hàng năm theo hướng dẫn của Cục Thống kê; quản lý tài chính, tài sản và các dự án đầu tư xây dựng được giao theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện cải cách hành chính; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Thống kê theo quy định của pháp luật.

18. Quản lý, cập nhật, lưu trữ hồ sơ nghiệp vụ, hồ sơ công chức, người lao động và các văn bản pháp quy của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

19. Thực hiện cung cấp dịch vụ công về thống kê theo quy định của pháp luật. Tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê để nâng cao chất lượng thông tin thống kê.

20. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Cục trưởng Cục Thống kê giao và theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

1. Cơ cấu tổ chức của Chi cục Thống kê cấp tỉnh như sau:

a) Các phòng tham mưu:

- Phòng Thống kê Tổng hợp;
- Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội;
- Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng;
- Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá;
- Phòng Tổ chức - Hành chính.

b) Các Đội Thống kê tại các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đội Thống kê liên huyện (gọi chung là Đội Thống kê cấp huyện) thuộc Chi cục Thống kê cấp tỉnh.

Số lượng các Đội Thống kê cấp huyện được tổ chức theo danh sách kèm theo Quyết định này.

Đội Thống kê cấp huyện có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Biên chế công chức của Chi cục Thống kê cấp tỉnh do Cục trưởng Cục Thống kê quyết định trong tổng biên chế được giao.

3. Cục trưởng Cục Thống kê có trách nhiệm:

a) Quyết định tên gọi, trụ sở và địa bàn quản lý của Đội Thống kê cấp huyện;

b) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Chi cục Thống kê cấp tỉnh.

#### **Điều 4. Lãnh đạo Chi cục Thống kê cấp tỉnh**

1. Chi cục Thống kê cấp tỉnh có Chi cục trưởng và một số Phó Chi cục trưởng.

2. Chi cục trưởng là người đứng đầu Chi cục Thống kê cấp tỉnh, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thống kê và trước pháp luật về toàn bộ các hoạt động của Chi cục Thống kê cấp tỉnh. Các Phó Chi cục trưởng chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng Chi cục Thống kê cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Thống kê và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

#### **Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Chi cục Thống kê cấp tỉnh có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, các hướng dẫn, quy trình, quy chế đã được ban hành cho đến khi cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản này.

2. Cục trưởng Cục Thống kê chịu trách nhiệm tổ chức, sắp xếp để Chi cục Thống kê cấp tỉnh và các đơn vị thuộc Chi cục Thống kê cấp tỉnh đi vào hoạt động trước ngày 01/6/2025.

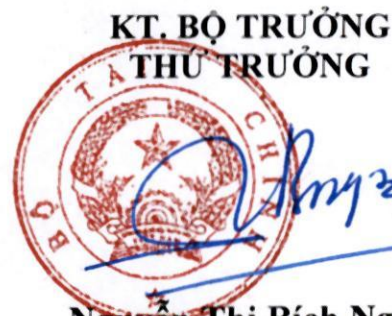
#### **Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Cục trưởng Cục Thống kê, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Cục Thống kê chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- VP ĐU, CĐ;
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Chi cục Thống kê cấp tỉnh;
- Lưu: VT, TCCB (90.b) *hy*



**Nguyễn Thị Bích Ngọc**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC TÊN GỌI CÁC CHI CỤC THỐNG KÊ CẤP TỈNH VÀ SỐ**  
**LƯỢNG ĐỘI THỐNG KÊ CẤP HUYỆN THUỘC CHI CỤC THỐNG KÊ**  
**CẤP TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số **956** /QĐ-BTC ngày **05**/3/2025 của Bộ Tài chính)

<b>STT</b>	<b>Tên Chi cục Thống kê cấp tỉnh</b>	<b>Số lượng Đội Thống kê cấp huyện</b>
1	Chi cục Thống kê thành phố Hà Nội	28
2	Chi cục Thống kê tỉnh Hà Giang	7
3	Chi cục Thống kê tỉnh Cao Bằng	10
4	Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Kạn	5
5	Chi cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang	5
6	Chi cục Thống kê tỉnh Lào Cai	5
7	Chi cục Thống kê tỉnh Điện Biên	7
8	Chi cục Thống kê tỉnh Lai Châu	6
9	Chi cục Thống kê tỉnh Sơn La	6
10	Chi cục Thống kê tỉnh Yên Bái	6
11	Chi cục Thống kê tỉnh Hoà Bình	6
12	Chi cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên	6
13	Chi cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn	6
14	Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh	9
15	Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Giang	6
16	Chi cục Thống kê tỉnh Phú Thọ	7
17	Chi cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc	7
18	Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh	7
19	Chi cục Thống kê tỉnh Hải Dương	9
20	Chi cục Thống kê thành phố Hải Phòng	10
21	Chi cục Thống kê tỉnh Hưng Yên	7
22	Chi cục Thống kê tỉnh Thái Bình	7

<b>STT</b>	<b>Tên Chi cục Thống kê cấp tỉnh</b>	<b>Số lượng Đội Thống kê cấp huyện</b>
23	Chi cục Thống kê tỉnh Hà Nam	5
24	Chi cục Thống kê tỉnh Nam Định	8
25	Chi cục Thống kê tỉnh Ninh Bình	6
26	Chi cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa	19
27	Chi cục Thống kê tỉnh Nghệ An	15
28	Chi cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	6
29	Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Bình	6
30	Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Trị	7
31	Chi cục Thống kê thành phố Huế	7
32	Chi cục Thống kê thành phố Đà Nẵng	4
33	Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Nam	12
34	Chi cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi	10
35	Chi cục Thống kê tỉnh Bình Định	8
36	Chi cục Thống kê tỉnh Phú Yên	6
37	Chi cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa	6
38	Chi cục Thống kê tỉnh Ninh Thuận	4
39	Chi cục Thống kê tỉnh Bình Thuận	6
40	Chi cục Thống kê tỉnh Kon Tum	6
41	Chi cục Thống kê tỉnh Gia Lai	12
42	Chi cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk	9
43	Chi cục Thống kê tỉnh Đắk Nông	4
44	Chi cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng	6
45	Chi cục Thống kê tỉnh Bình Phước	6
46	Chi cục Thống kê tỉnh Tây Ninh	6
47	Chi cục Thống kê tỉnh Bình Dương	7
48	Chi cục Thống kê tỉnh Đồng Nai	8

<b>STT</b>	<b>Tên Chi cục Thống kê cấp tỉnh</b>	<b>Số lượng Đội Thống kê cấp huyện</b>
49	Chi cục Thống kê tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	6
50	Chi cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh	20
51	Chi cục Thống kê tỉnh Long An	9
52	Chi cục Thống kê tỉnh Tiền Giang	8
53	Chi cục Thống kê tỉnh Bến Tre	5
54	Chi cục Thống kê tỉnh Trà Vinh	4
55	Chi cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long	6
56	Chi cục Thống kê tỉnh Đồng Tháp	9
57	Chi cục Thống kê tỉnh An Giang	7
58	Chi cục Thống kê tỉnh Kiên Giang	9
59	Chi cục Thống kê thành phố Cần Thơ	5
60	Chi cục Thống kê tỉnh Hậu Giang	4
61	Chi cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng	6
62	Chi cục Thống kê tỉnh Bạc Liêu	5
63	Chi cục Thống kê tỉnh Cà Mau	6
	<b>Tổng số</b>	<b>480</b>